TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 3 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn,con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dương Tiển

2. Ông Đỗ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2017/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Cẩm B, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Anh T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị B trình bày: chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G ngày 24-7-2002; sau khi cưới về sống chung cha, mẹ khoảng 02 năm ra sống riêng cho đến nay; anh T đi làm thuê còn chị buôn bán tạo hóa; cách đây khoảng một năm anh T đi làm có tiền tiêu xài một mình không lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu phá tài sản trong nhà, đánh chị và các con nhiều lần. Nay chị yêu cầu ly hôn; về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi; cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do nên không thể hiện yêu cầu.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và chị Bình thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng anh T không đến Tòa án để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: chị B và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống anh T không lo cho vợ, con thường xuyên uống rượu về phá tài sản trong nhà, chửi đánh chị B nhiều lần bị Công an xã T xử phạt hình chính nhưng vẫn còn xảy ra; mặt dù vợ chồng còn sống chung nhà nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho chị B và anh T ly hôn.

Về con chung: cháu Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 25-8-1997 tính đến nay đã thành niên nên không giải quyết; đối với cháu Lê Thị Thảo L, sinh ngày 22-5-2003 hiện đang sống chung với chị B; hiện tại cháu đang đi học phát triển bình thường về mọi mặt; trong quá trình lấy lời khai cháu có nguyện vọng được sống chung với chị B; đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị B tiếp tục nuôi là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; về cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu nên không giải quyết; anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung chị Bình không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lê Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị B và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên được pháp luật thừa nhận hôn nhân hợp pháp; vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi làm có tiền tiêu xài riêng không lo cho vợ, con; thường xuyên uống rượu về phá tài sản trong nhà, đánh đập chị Bình nhiều lần trong thời gian dài bị Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính nhưng sự việc dẫn tiếp diễn. Như vậy có căn cứ cho rằng anh T đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa chị Bình và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 25-8-1997 tính đến nay đã thành niên nên không giải quyết; đối với cháu Lê Thị Thảo L, sinh ngày 22-5-2003 hiện đang sống chung với chị B; hiện tại cháu đang đi học phát triển bình thường về mọi mặt; trong quá trình lấy lời khai cháu có nguyện vọng được sống chung với chị B; chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B và đề nghị của Viện kiểm sát; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung chị B không yêu cầu giải quyết; về nợ chung Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện G không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: chị Phạm Thị Cẩm B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm B; chị Phạm Thị Cẩm B được ly hôn với anh Lê Anh T.

2. Về con chung: giao cho chị Phạm Thị Cẩm B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thảo L, sinh ngày 22-5-2003; cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu nên không giải quyết; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị Cẩm B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị B đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0012572 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (chị B đã nộp xong)

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng anh Lê Anh T vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng